TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG
Bản án số: 33/2017/DS-PT
Ngày 12 - 7 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và bà Phạm Thị Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐắkNông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 - 7 - 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 29/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 28 - 3 - 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2017/QĐ-PT ngày 30 - 6 - 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: Đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Kim H, sinh năm 1971 (Văn bản ủy quyền ngày 31 - 3 - 2014); HKTT: Đường P, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Thanh H.

4. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 - 3 - 2016 và lời trình bày của nguyên đơn chị Trương Thị M, người đại diện theo ủy quyền là anh Trần Kim H và quá trình giải quyết, nội dung vụ án như sau:

Ngày 04 - 02 - 2012 anh Nguyễn Thanh H vay của chị Trương Thị M số tiền 500.000.000 đồng, đến ngày 20 - 02 - 2012 vay tiếp số tiền 205.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất 05%/tháng. Tuy nhiên, anh Nguyễn Thanh H không trả được nợ theo đúng thời hạn cho chị M. Do đó, ngày 05 - 7 - 2012 anh Nguyễn Thanh H và chị M xác nhận số tiền nợ gốc là 705.000.000 đồng, tiền lãi là 191.000.000 đồng, đã trả tiền lãi 02 tháng là 50.000.000 đồng.

Ngày 05 - 02 - 2013 chị M và anh Nguyễn Thanh H tiếp thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 04 - 3 - 2013 với nội dung: Tiền lãi tính từ ngày 05 - 7 - 2012 là 453.125.000 đồng, tiền gốc 705.000.000 đồng, tổng cộng là 1.158.125.000 đồng, đã trả 05 lần tổng cộng là 212.750.000 đồng (trong đó có 01 lần theo giấy xác nhận ngày 05 - 7 - 2012 số tiền 50.000.000 đồng), ngày 30 - 4 - 2013 trả 100.000.000 đồng và ngày 23 - 5 - 2013 trả 100.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 412.750.000 đồng.

Đến ngày 27 - 8 - 2014 anh Nguyễn Thanh H tiếp tục viết giấy cam kết trả nợ cho chị M vào ngày 10 - 12 - 2014. Song, do anh Nguyễn Thanh H không thực hiện được đúng nội dung đã thỏa thuận, nên chị M khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh H trả số tiền nợ gốc là 705.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thanh H thống nhất với nội dung trình bày của chị M về số tiền vay, lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay, số tiền 412.750.000 đồng anh đã trả đồng thời chấp nhận yêu cầu của chị M, nhưng đề nghị xem xét số tiền 412.750.000 đồng anh đã trả cho chị M để khấu trừ vào số tiền nợ gốc sau khi đã trừ tiền lãi. Ngoài ra, anh Nguyễn Thanh H xác định ngày 30 - 3 - 2012 chị M có vay của anh số tiền 80.000.000 đồng, do đó đề nghị Tòa án giải quyết đối trừ vào số tiền anh có nghĩa vụ trả chị M.

Bản án sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 28 - 3 - 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định: Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Buộc anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị M số tiền là 781.171.000 đồng.

2. Buộc chị Trương Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh H với số tiền 80.000.000 đồng.

Chị Trương Thị M được quyền khấu trừ số tiền 80.000.000 đồng vào số tiền 781.171.000 đồng anh Nguyễn Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị M.

Ngày 14 - 4 - 2017, anh Nguyễn Thanh H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tính lại nợ gốc và tiền lãi suất của khoản tiền vay, theo từng kỳ anh đã trả tiền cho chị M.

Ngày 28 – 4 - 2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định kháng nghị số: 1225/2017/KNPT-DS kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 28 - 3 - 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ về cách tính lãi suất, xem xét yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Thanh H và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Thanh H giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền 80.000.000 đồng chị M đã vay của anh vào ngày 30 - 02 - 2012 để trừ vào số tiền nợ gốc. Mặt khác, số tiền 162.750.000 đồng anh Nguyễn Thanh H đã trả chị M vào ngày 26 -12 - 2012 (số tiền này nằm trong tổng số tiền 212.750.000 đồng hai bên đã xác nhận vào ngày 05-02-2013).

Anh Trần Kim H không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh H đối với số tiền 80.000.000 đồng chị M đã vay vào ngày 30 - 02 - 2012. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho anh Nguyễn Thanh H trong việc trả nợ cho chị M anh Trần Kim H tự nguyện chấp nhận trừ số tiền 80.000.000 đồng vào số tiền anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả chị M; đồng thời chấp nhận thời điểm anh Nguyễn Thanh H trả chị M số tiền 162.750.000 đồng vào ngày 26 -12-2012.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền 80.000.000 đồng anh Nguyễn Thanh H đã cho chị M vay vào ngày 30 - 3 - 2012 để trừ vào số tiền anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả chị M. Căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và kháng cáo của anh Nguyễn Thanh H. Buộc anh Nguyễn Thanh H trả chị M số tiền 473.619.108 đồng (trong đó tiền nợ gốc 311.719.693 đồng, tiền nợ lãi 161.899.415 đồng); sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thanh H kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông trong hạn luật định.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và kháng cáo của anh Nguyễn Thanh H, Hội đồng xét xử nhận định:

Vào các ngày 04-02-2012 và ngày 20-02-2012 anh Nguyễn Thanh H có vay của chị Trương Thị M số tiền là 705.000.000 đồng. Anh Nguyễn Thanh H đã trả cho chị M tổng số tiền là 412.750.000 đồng, cụ thể: Ngày 04 - 7 - 2012 trả 50.000.000 đồng, ngày 26 - 12 - 2012 trả 162.750.000 đồng, ngày 30 - 4 - 2013 trả 100.000.000 đồng và ngày 23 - 5 - 2013 trả 100.000.000 đồng. Về lãi suất, do các bên thỏa thuận lãi suất vay 05%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29 - 11 - 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về lãi suất cơ bản của Việt Nam đồng để tính lãi suất cơ bản là 09%/năm và tính lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 là 13,5%/năm, tương ứng 1,125%/tháng là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy

nhiên, số tiền 412.750.000 đồng anh Nguyễn Thanh H đã trả cho chị M bằng nhiều đợt khác nhau và hai bên không thống nhất được số tiền đã trả là tiền nợ lãi hay trả tiền nợ gốc. Song, Tòa án cấp sơ thẩm lại tính số tiền lãi từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử đối với tổng số tiền đã vay là 705.000.000 đồng cộng với số tiền nợ gốc, sau đó trừ đi số tiền anh Nguyễn Thanh H đã trả chị M là không đúng các quy định của pháp luật. Do đó, cần xác định số tiền anh Nguyễn Thanh H đã trả cho chị M là tiền lãi tính đến từng thời điểm đã trả, số tiền còn dư được trừ vào số tiền nợ gốc, cụ thể:

2.1.1. Tiền lãi của nợ gốc 500.000.000 đồng tính từ ngày 04 - 02 - 2012 đến ngày 19-02 - 2012 là: 500.000.000 đồng x 13,5%/năm x 16 ngày = 3.000.000 đồng.

*2.1.2.*Tiền lãi của nợ gốc 705.000.000 đồng tính từ ngày 20 - 02 - 2012 đến ngày 04 - 7 - 2012 (thời điểm trả 50.000.000 đồng) là: 705.000.000 đồng x 13,5%/năm x 4 tháng 14 ngày = 35.426.250 đồng.

Tại thời điểm ngày 04 - 7 - 2012, tiền nợ gốc là 705.000.000 đồng, tiền lãi là 38.426.250 đồng, đã trả 50.000.000 đồng, số tiền còn dư là 50.000.000 đồng - 38.426.250 đồng = 11.573.750 đồng trừ vào tiền nợ gốc là 705.000.000 đồng - 11.573.750 đồng = 693.426.250 đồng.

2.1.3. Tiền lãi của nợ gốc 693.426.250 đồng tính từ ngày 05 - 7 - 2012 đến ngày 26 - 12 - 2012 (thời điểm trả 162.750.000 đồng) là: 693.426.250 đồng x 13,5%/năm x 5 tháng 21 ngày = 44.465.958 đồng.

Tại thời điểm ngày 26 - 12 - 2012, tiền nợ gốc là 693.426.250 đồng, tiền nợ lãi là 44.465.958 đồng, đã trả 162.750.000 đồng, số tiền nợ lãi còn dư 162.750.000 đồng - 44.465.958 đồng = 118.284.042 đồng trừ vào tiền nợ gốc: 693.426.250 đồng - 118.284.042 đồng = 575.142.208 đồng.

2.1.4. Tiền lãi của nợ gốc 575.142.208 đồng tính từ ngày 27 - 12 - 2012 đến ngày 30 - 4 - 2013 (thời điểm trả 100.000.000 đồng) là: 575.142.208 đồng x 13,5%/năm x 04 tháng 03 ngày = 26.528.434 đồng.

Tại thời điểm ngày 30 - 4 - 2013, tiền nợ gốc là 575.142.208 đồng, tiền nợ lãi là 26.528.434 đồng, đã trả 100.000.000 đồng, số tiền còn dư là 100.000.000 đồng - 26.528.434 đồng = 73.471.566 đồng trừ vào tiền nợ gốc: 575.142.208 đồng - 73.471.566 đồng = 501.670.642 đồng.

2.1.5. Tiền lãi của nợ gốc 501.670.642 đồng tính từ ngày 01 - 5 - 2013 đến ngày 23 - 5 - 2013 (thời điểm trả 100.000.000 đồng) là: 501.670.642 đồng x 13,5%/năm x 22 ngày = 4.138.782 đồng.

Tại thời điểm ngày 23-5-2013, tiền nợ gốc là 501.670.642 đồng, tiền nợ lãi là 4.138.782 đồng, đã trả được 100.000.000 đồng, số tiền còn dư là 100.000.000 đồng - 4.138.782 đồng = 95.861.218 đồng trừ vào tiền nợ gốc: 501.670.642 đồng - 95.861.218 đồng = 405.809.424 đồng.

2.1.6. Tiền lãi của nợ gốc 405.809.424 đồng tính từ ngày 24 - 5 - 2013 đến ngày 28-3-2017 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 405.809.424 đồng x 13,5%/năm x 3 năm 10 tháng 04 ngày = 210.615.091 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh Nguyễn Thanh H phải trả cho chị Trương Thị M từ ngày 04 - 02 - 2012 đến ngày 28 - 3 - 2017 là 616.424.515 đồng (trong đó tiền nợ gốc 405.809.424 đồng và tiền nợ lãi 210.615.091 đồng).

2.2. Đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Thanh H về việc chị M có nghĩa vụ trả anh số tiền 80.000.000 đồng đã vay vào ngày 30 - 02 - 2012 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc xử lý số tiền này, Hội đồng xét xử nhận định: Tại các thời điểm anh Nguyễn Thanh H vay tiền của chị M là ngày 04 - 02 - 2012 và ngày 20 - 02 - 2012; các thời điểm trả nợ ngày 04 - 7-2012, ngày 26 - 12 - 2012, ngày 30 - 4 - 2013 và ngày 23 - 5 - 2013 hai bên không đề cập đến số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 30 - 02 - 2012, trong khi anh Nguyễn Thanh H đang có nghĩa vụ trả nợ chị M. Mặt khác, anh Nguyễn Thanh H cũng không có chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diệnViện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông và yêu cầu của anh Nguyễn Thanh H về việc tính số tiền 80.000.000 đồng trừ vào số tiền anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả chị M tính từ ngày 30 - 02 - 2012. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của chị M tự nguyện chấp nhận trừ số tiền 80.000.000 đồng vào tổng số tiền anh Nguyễn Thanh H phải trả chị M. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để trừ số tiền 80.000.000 đồng vào số tiền anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả chị M.

[3]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Thanh H và một phần kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông về việc tính lại số tiền lãi và khấu trừ số tiền dư vào tiền gốc. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng Hội đồng xét xử đã đánh giá tại tiểu mục *2.1* và *2.2*, mục [2], buộc anh Nguyễn Thanh H trả chị Trương Thị M tổng số tiền là 616.424.515 đồng (trong đó tiền nợ gốc 405.809.424 đồng và tiền nợ lãi 210.615.091 đồng), đồng thời được trừ số tiền 80.000.000 đồng, còn phải trả 536.425.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự: Do nghĩa vụ trả nợ có sự thay đổi nên Hội đồng xét xử sửa phần án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm và số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Thanh H phải chịu (tính đối với số tiền anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ phải trả nợ và số tiền phản tố không được chấp nhận).

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Thanh H và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Sửa bản án sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 28 - 3 - 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ Buộc anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụtrả cho chị Trương Thị M tổng số tiền 616.425.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc 405.809.424 đồng và tiền nợ lãi 210.615.091 đồng), được trừ số tiền 80.000.000 đồng, còn phải trả 536.425.000đ (*Năm trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày chị Trương Thị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Thanh H còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng khoản 2 khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Buộc anh Nguyễn Thanh H phải chịu 29.457.000đ (*Hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trừ 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 002615 ngày 12 - 8 - 2016 và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004659 ngày 28 - 4 - 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, còn phải chịu 27.157.000đ (*Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

2.2. Trả lại cho chị Trương Thị M số tiền 16.100.000 đồng (*Mười sáu triệu một trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000031 ngày 02 - 3 - 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lương Đức Dương